CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Hà Nội, tháng 03 năm 2012

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Nguyễn Như Lâm	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Tòng	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Ủy viên
Ông Vũ Văn Thiếu	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Phán	Ủy viên

Ban Giám đốc	
Ông Nguyễn Như Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thiếu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

S.Đ.K.K.D: 0103008442 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Như Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 4, 168 Đường Láng, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel: (04) 3577 0781/Fax: (04) 3577 0787
www.vaco.com.vn; info@vaco.com.vn

Số: 033 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo được lập ngày 05/03/2012 của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 20 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán viên đề ngày 12/03/2011, trong đó đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần bởi hạn chế do Công ty không vốn hóa chi phí lãi vay ngắn hạn vào giá trị các công trình xây dựng cơ bản dở dang. Tuy nhiên, ngày 21/04/2011, Công ty kiểm toán năm trước có thư xác nhận số 72/2011/CV-PKF đã chấp thuận việc Công ty thực hiện vốn hóa chi phí lãi vay vào giá trị công trình xây dựng cơ bản dở dang.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

M.S.D.N: 0102546856 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VACO - Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

Trịnh Thị Hồng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0026/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	**100**		**36.411.265.113**	**7.262.503.468**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**10.946.392.253**	**1.188.990.104**
1. Tiền	111		1.846.392.253	1.188.990.104
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.100.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**24.790.718.885**	**4.636.487.529**
1. Phải thu khách hàng	131	6	948.482.120	1.547.017.811
2. Trả trước cho người bán	132		754.532.000	1.714.366.450
3. Các khoản phải thu khác	135	7	23.087.704.765	1.375.103.268
III. Hàng tồn kho	**140**	**8**	**536.793.259**	**1.101.971.920**
1. Hàng tồn kho	141		536.793.259	1.101.971.920
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**137.360.716**	**335.053.915**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34.360.716	51.072.783
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	364.916
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		103.000.000	283.616.216
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	**200**		**64.920.802.193**	**70.985.569.690**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	48.991.969
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(48.991.969)
II. Tài sản cố định	**220**		**62.144.322.004**	**60.215.874.323**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	61.966.339.246	34.893.850.264
- Nguyên giá	*222*		*89.664.092.566*	*59.554.514.362*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(27.697.753.320)*	*(24.660.664.098)*
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	177.982.758	25.322.024.059
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**2.729.439.590**	**10.729.439.590**
1. Đầu tư và công ty con	251	11	2.729.439.590	2.729.439.590
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	8.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**47.040.599**	**40.255.777**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		47.040.599	40.255.777
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**101.332.067.306**	**78.248.073.158**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**13.728.640.617**	**9.677.304.221**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**13.544.018.914**	**7.745.714.418**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	1.394.601.000
2. Phải trả người bán	312		301.243.109	284.806.071
3. Người mua trả tiền trước	313		698.572.556	2.914.961.165
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	7.345.386.175	992.047.254
5. Phải trả người lao động	315	13	2.721.033.922	192.130.497
6. Chi phí phải trả	316		286.332.749	10.040.187
7. Phải trả nội bộ	317		64.986.646	200.261.360
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	2.126.463.757	1.546.575.623
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	210.291.261
II. Nợ dài hạn	**330**		**184.621.703**	**1.931.589.803**
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		184.621.703	229.591.980
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	1.701.997.823
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**	**15**	**87.603.426.689**	**68.570.768.937**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**87.603.426.689**	**68.570.768.937**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		57.029.400.000	57.029.400.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2.762.901	(32.758.206)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.124.196.508	1.140.943.547
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.483.661.313	1.083.613.486
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26.963.405.967	9.349.570.110
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**101.332.067.306**	**78.248.073.158**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2011	31/12/2010
1. Ngoại tệ (USD)	28.435,13	2.267,02
2. Vật tư, hàng hóa nhận gia công (mét)	26.914,50	-

Nguyễn Như Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**16**	**39.185.924.543**	**31.125.251.026**
2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	17	16.913.877.725	14.662.178.936
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng	**20**		**22.272.046.818**	**16.463.072.090**
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	19.531.789.821	1.565.313.642
5. Chi phí tài chính	22	20	64.365.158	19.983.635
6. Chi phí bán hàng	24		818.454.509	1.249.317.586
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.155.671.533	7.459.986.820
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	**30**		**31.765.345.439**	**9.299.097.691**
9. Thu nhập khác	31		4.861.317.565	1.757.800.913
10. Chi phí khác	32		2.499.798.222	123.232.734
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**	21	**2.361.519.343**	**1.634.568.179**
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**34.126.864.782**	**10.933.665.870**
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	7.170.886.851	1.591.984.039
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	**60**		**26.955.977.931**	**9.341.681.831**
16. Lãi trên cổ phiếu	70	23	**4.727**	**1.638**

Nguyễn Như Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	44.461.159.859	35.707.908.195
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(6.869.659.361)	(8.611.965.372)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.687.541.040)	(10.892.518.001)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(474.497.379)	(1.212.230.789)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	14.517.532.699	8.156.894.153
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.540.812.662)	(10.466.522.970)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***26.406.182.116***	***12.681.565.216***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.265.080.750)	(5.449.591.501)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.454.343.862	1.511.140.827
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(2.810.736.888)***	***(3.938.450.674)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	267.800.000	8.237.669.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.662.401.000)	(9.677.337.631)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.489.122.110)	(7.418.617.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(13.883.723.110)***	***(8.858.285.881)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**9.711.722.118**	**(115.171.339)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**1.188.990.104**	**1.292.157.867**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	45.680.031	12.003.576
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**10.946.392.253**	**1.188.990.104**

Nguyễn Như Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103008442 ngày 05/07/2005, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 19/11/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ: 57.029.400.000 đồng.

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1.	Vốn Nhà nước do ông Nguyễn Như Lâm đại diện	1.634.114	16.341.140.000
2.	32 Cổ đông sáng lập khác	1.973.573	19.735.730.000

Địa chỉ trụ sở chính: Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 324 người (Tại ngày 31/12/2010 là 342 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt, may, bông, vải, sợi, thuốc nhuộm, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), hàng đồ da và giả da, hàng điện máy, nguyên liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị, nông lâm sản, thực phẩm, thủy sản, vật liệu xây dựng, giấy và văn phòng phẩm;
- Xây dựng, kinh doanh dịch vụ kho, nhà xưởng, văn phòng làm việc;
- Buôn bán hàng tiêu dùng;
- Kinh doanh bất động sản.

Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Vải sợi May mặc miền Bắc II, địa chỉ tại số 51 Trương Quốc Dung - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Vải sợi May mặc Miền Bắc II: Công ty góp vốn vào Công ty TNHH MTV Vải sợi May mặc Miền Bắc II với tỷ lệ phần sở hữu là 100%.
- Công ty Cổ phần Trường Hà: Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Trường Hà với tỷ lệ 57% và Ông Nguyễn Như Lâm - Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Trường Hà.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong năm nay, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác cùng dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	07 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	03 - 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư và công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào công ty con.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của Công ty sau khi điều chỉnh các khoản làm giảm trừ lợi nhuận này (nếu có).

Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính được ghi nhận trên cơ sở các quyết định trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo điều lệ công ty và quyết định của đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10, làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 sẽ giảm 279.611 VND và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2011 sẽ tăng một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT- BTC. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Năm 2010, Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT- BTC, tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty quyết định không điều chỉnh hồi tố do ảnh hưởng là không đáng kể.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cảcác khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế đối với các khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh theo chính sách ưu đãi thuế của Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính Phủ về việc chuyển công ty Nhà nước sang công ty cổ phần.

Năm tài chính 2011 là năm đầu tiên Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập là 25% .

Tại ngày 31/12/2011, Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	146.619.862	152.559.133
Tiền gửi ngân hàng	1.699.772.391	1.036.430.971
Các khoản tương đương tiền (*)	9.100.000.000	-
	10.946.392.253	**1.188.990.104**

Ghi chú: (*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng với mức lãi suất 14%/năm và khoản cho Công ty Cổ phần Trường Hà vay có kỳ hạn dưới 3 tháng với mức lãi suất 14%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần May Hồ Gươm (*)	418.528.231	418.528.231
Ospig Textil gesellschaft (S & N Camabi Limited)	354.573.164	529.516.491
Các khách hàng khác	175.380.725	598.973.089
	948.482.120	**1.547.017.811**

Ghi chú: (*) Khoản phải thu của Công ty Cổ phần May Hồ Gươm về phí dịch vụ gia công phát sinh từ năm 2010 theo hợp đồng gia công ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần May Hồ Gươm để Công ty Cổ phần May Hồ Gươm bán hàng cho Công ty MANGHARAMS (Thái Lan) theo hợp đồng ký kết giữa hai công ty này. Tuy nhiên, trong năm 2010, Công ty MANGHARAMS (Thái Lan) lại thanh toán trực tiếp cho Công ty với giá trị là 19.516,81 VND mà không thanh toán cho Công ty Cổ phần May Hồ Gươm, Công ty đã ghi nhận khoản tiền nhận được này trên Khoản mục người mua trả tiền trước. Công ty, Công ty Cổ phần May Hồ Gươm và Công ty MANGHARAMS (Thái Lan) sẽ làm việc để Công ty thực hiện bù trừ công nợ phải thu từ Công ty Cổ phần May Hồ Gươm và phải trả Công ty MANGHARAMS (Thái Lan).

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ông Mai Đức Lâm (*)	18.193.044.444	-
Tạm ứng cổ tức cho các cổ đông (**)	4.507.869.600	-
Tạm chi Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	311.295.227	-
Các khoản phải thu khác	75.495.494	1.375.103.268
	23.087.704.765	**1.375.103.268**

Ghi chú:

(*) Khoản phải thu của ông Mai Đức Lâm là số tiền gốc và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 31/12/2011 theo Hợp đồng và phụ lục hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Trường Hà giữa Công ty và ông Mai Đức Lâm (chi tiết xem tại Thuyết minh số 26 - Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Trường Hà).

(**) Tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết số 05/2011/NQHĐQT-VSMMMB ngày 05/08/2011 của Hội đồng Quản trị về việc tạm chia cổ tức năm 2011.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên vật liệu	49.722.307	103.303.408
Công cụ, dụng cụ	6.241.580	6.628.946
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	54.054.115
Thành phẩm	479.216.128	935.943.912
Hàng hóa	1.613.244	2.041.539
Cộng	**536.793.259**	**1.101.971.920**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	**536.793.259**	**1.101.971.920**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 31/12/2010	48.383.972.685	6.970.555.808	1.884.397.870	713.191.207	1.602.396.792	59.554.514.362
Mua trong năm	-	-	192.000.000	18.204.000	-	210.204.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	29.708.848.750	-	214.285.454	-	-	29.923.134.204
Giảm trong năm	-	-	-	-	23.760.000	23.760.000
Tại ngày 31/12/2011	78.092.821.435	6.970.555.808	2.290.683.324	731.395.207	1.578.636.792	89.664.092.566
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại ngày 31/12/2010	15.178.605.339	6.765.105.959	1.134.832.102	452.049.255	1.130.071.443	24.660.664.098
Khấu hao trong năm	2.420.667.809	133.768.220	104.263.114	206.567.227	187.068.852	3.052.335.222
Giảm trong năm	-	-	-	-	15.246.000	15.246.000
Tại ngày 31/12/2011	17.599.273.148	6.898.874.179	1.239.095.216	658.616.482	1.301.894.295	27.697.753.320
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	**60.493.548.287**	**71.681.629**	**1.051.588.108**	**72.778.725**	**276.742.497**	**61.966.339.246**
Tại ngày 31/12/2010	**33.205.367.346**	**205.449.849**	**749.565.768**	**261.141.952**	**472.325.349**	**34.893.850.264**

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là 8.852.236.885 VND.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	**25.322.024.059**
Tăng trong kỳ	4.779.092.903
Kết chuyển sang tài sản cố định	29.923.134.204
Tại ngày 31 tháng 12	**177.982.758**

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty TNHH Một thành viên Vải sợi May mặc Miền Bắc II	2.729.439.590	2.729.439.590
	2.729.439.590	**2.729.439.590**

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2011 như sau:

Tên Công ty	Nơi hoạt động và thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Vải sợi May mặc Miền Bắc II	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất mua bán hàng may mặc, sản phẩm dệt may

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	23.126.041	87.851.354
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.318.249.072	621.859.600
Tiền thuê đất	-	282.336.300
Thuế thu nhập cá nhân	4.011.062	-
	7.345.386.175	**992.047.254**

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải trả người lao động	2.721.033.922	192.130.497
	2.721.033.922	**192.130.497**

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, số dư phải trả người lao động trên đã được thanh toán cho người lao động với số tiền là 1.468.536.772 VND.

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nhận tiền đặt cọc dịch vụ cho thuê kho xưởng	2.046.851.500	-
Kinh phí công đoàn	45.400.992	42.040.106
Các khoản phải trả khác	34.211.265	1.504.535.517
	2.126.463.757	**1.546.575.623**

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong Vốn chủ sở hữu:

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 31/12/2009	**57.029.400.000**	**(53.552.832)**	**191.494.042**	**653.493.000**	**8.400.716.656**	**66.221.550.866**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.341.681.831	9.341.681.831
Tăng trong năm	-	79.450.996	949.449.505	430.120.486	-	1.459.020.987
Giảm trong năm	-	(58.656.370)	-	-	(8.392.828.377)	(8.451.484.747)
Số dư tại ngày 31/12/2010	**57.029.400.000**	**(32.758.206)**	**1.140.943.547**	**1.083.613.486**	**9.349.570.110**	**68.570.768.937**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	26.955.977.931	26.955.977.931
Tăng trong kỳ (*)	-	55.455.079	983.252.961	400.047.827	135.274.714	1.574.030.581
Giảm trong kỳ (*)	-	(19.933.972)	-	-	(9.477.416.788)	(9.497.350.760)
Số dư tại ngày 31/12/2011	**57.029.400.000**	**2.762.901**	**2.124.196.508**	**1.483.661.313**	**26.963.405.967**	**87.603.426.689**

Ghi chú: (*) Theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 19/04/2011, lợi nhuận sau thuế năm 2010 được dùng để trích Quỹ Đầu tư phát triển là 983.252.961 đồng, Quỹ Dự phòng tài chính là 400.047.827 đồng, Quỹ Khen thưởng Phúc lợi là 110.000.000 đồng và chi trả cổ tức năm 2010 là 7.984.116.000 đồng (tỷ lệ 14%).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	31/12/2011			31/12/2010		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	16.341.140.000	16.341.140.000	-	16.341.140.000	16.341.140.000	-
Vốn góp của các cổ đông	40.688.260.000	40.688.260.000	-	40.688.260.000	40.688.260.000	-
Tổng cộng	**57.029.400.000**	**57.029.400.000**	**-**	**57.029.400.000**	**57.029.400.000**	**-**

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	31/12/2011 Cổ phiếu	31/12/2010 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	5.702.940	5.702.940
+ Số cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	5.702.940	5.702.940
+ Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	5.702.940	5.702.940

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê kho	24.383.038.344	18.141.301.050
Doanh thu gia công	14.484.828.707	12.915.805.203
Doanh thu bán hàng	17.521.256	68.144.773
Doanh thu khác	300.536.236	-
	39.185.924.543	**31.125.251.026**

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Giá vốn dịch vụ cho thuê kho	4.162.300.367	1.950.787.337
Giá vốn hoạt động gia công	12.732.549.258	12.603.216.504
Giá vốn hàng bán	19.028.100	108.175.095
	16.913.877.725	**14.662.178.936**

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	875.327.749	782.688.731
Chi phí nhân công	10.680.784.092	8.214.202.037
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.052.335.222	2.196.848.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.905.163.515	2.501.272.273
Chi phí khác	10.374.393.189	9.676.471.924
	26.888.003.767	**23.371.483.342**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng cổ phần	18.000.000.000	-
Lãi từ hoạt động liên kết, liên doanh	1.043.000.000	1.476.000.000
Lãi tiền gửi	411.345.776	35.140.827
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.562.853	54.172.815
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	52.881.192	-
	19.531.789.821	**1.565.313.642**

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.204.355	19.983.635
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	53.160.803	-
	64.365.158	**19.983.635**

21. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Phân bổ chênh lệch đánh giá lại tài sản	1.697.225.096	859.714.214
Thu nhập dịch vụ trông xe, tiền điện	2.705.104.197	319.519.092
Thu nhập khác	458.988.272	578.567.607
Thu nhập khác	**4.861.317.565**	**1.757.800.913**
Chi phí của dịch vụ trông xe, tiền điện	1.750.286.285	-
Chi phí khác	749.511.937	123.232.734
Chi phí khác	**2.499.798.222**	**123.232.734**
Lợi nhuận từ hoạt động khác	**2.361.519.343**	**1.634.568.179**

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	**34.126.864.782**	**10.933.665.870**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(768.225.636)	(1.285.352.181)
- Giảm: Doanh thu không chịu thuế	*(1.043.000.000)*	*(1.476.000.000)*
- Tăng: Chi phí không được tính thuế	*274.774.364*	*190.647.819*
Thu nhập chịu thuế, trong đó:	**33.358.639.146**	**9.648.313.689**
- Thu nhập chịu thuế suất 12,5% (được giảm 50%)	-	*7.866.023.682*
- Thu nhập chịu thuế suất 25% được giảm 30% thuế phải nộp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ	*15.583.639.146*	-
- Thu nhập chịu thuế suất 25% không được giảm 30% thuế phải nộp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ	*17.775.000.000*	*1.782.290.007*
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	12,5%	12,5%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**8.339.659.787**	**1.428.825.462**
Điều chỉnh bổ sung thuế TNDN năm 2009	-	163.158.577
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (*)	1.168.772.936	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**7.170.886.851**	**1.591.984.039**

Ghi chú: (*) Theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/01/2011 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 101/NĐ-CP ngày 4/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011-QH13 của Quốc hội ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm thao gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011. Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã xác định số thuế được giảm theo quy định trên.

Ngoài khoản doanh thu không tính thuế và chi phí không được tính thuế trình bày ở trên, trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Mặt khác, Công ty xác định thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Trường Hà không được giảm 30% theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/01/2011, nên Công ty đã xác định thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập này là 25%. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.955.977.931	9.341.681.831
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	5.702.940	5.702.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.727	1.638
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

24. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động:

Công ty có những lô đất đang được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và cho thuê kho xưởng được Nhà nước cho thuê dài hạn, trả tiền thuê đất hàng năm.

Công ty có ký hợp đồng thuê nhà đất với Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội về việc thuê văn phòng tại địa chỉ số 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, thời hạn thuê từ ngày 01/01/2009 đến ngày 01/01/2014 với tổng tiền thuê một tháng là 86.507.400 đồng.

Cam kết khác:

Tháng 10/2009, Công ty và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành đã ký hợp đồng liên kết kinh doanh, thời gian thực hiện hợp đồng là 3 năm. Theo hợp đồng thì Công ty đóng góp quyền sử dụng mặt bằng là 330 m2, một số tài sản để Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành thành lập văn phòng hoạt động tại địa chỉ 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Hàng năm, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành sẽ phân chia lợi nhuận (sau thuế) cho Công ty bằng 15% doanh thu phí môi giới, nhưng không thấp hơn 100.000 đồng/m2/tháng và không cao hơn 450.000 đồng/m2/tháng cho diện tích sử dụng chung mà Công đóng góp.

25. CỔ TỨC

Theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 19/04/2011, Đại hội đồng cổ đông đã chấp thuận phương án phân chia lợi nhuận năm 2010 do Hội đồng Quản trị trình theo tờ trình ngày 20/3/2011. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2010 được dùng để trích Quỹ Đầu tư phát triển là 983.252.961 đồng, Quỹ Dự phòng tài chính là 400.047.827 đồng, Quỹ Khen thưởng Phúc lợi là 110.000.000 đồng và chi trả cổ tức năm 2010 là 7.984.116.000 đồng (tỷ lệ 14%). Số cổ tức này đã được Công ty thanh toán trong năm 2011 cho các cổ đông.

26. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG HÀ

Tháng 11 năm 2011, Công ty đã bán cổ phần đầu tư tại Công ty Cổ phần Trường Hà theo Hợp đồng mua bán cổ phần số HĐCN 121/VSMB-2011 ký giữa Công ty với ông Mai Đức Lâm. Theo hợp đồng này, số cổ phần chuyển nhượng là 800.000 cổ phần tương ứng với giá trị vốn góp cổ phần là 8.000.000.000 VND, tổng giá trị chuyển nhượng là 26.000.000.000 VND.

Ngày 01/12/2011, Công ty ký Biên bản thỏa thuận với ông Mai Đức Lâm về việc thanh toán chậm trả tiền mua cổ phần nêu trên. Theo biên bản này, ông Mai Đức Lâm sẽ được thanh toán chậm trả tiền mua cổ phần đấu giá đến hết ngày 31/03/2012 với mức lãi suất chậm trả được áp dụng là 14%/năm trên số tiền chậm trả.

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngày 17/01/2012, ông Mai Đức Lâm đã thanh toán cho Công ty số tiền gốc chậm trả về việc mua cổ phần với số tiền là 18.000.000.000 VND. Cũng trong ngày 17/01/2012, số tiền thanh toán này đã được Công ty chuyển cho Công ty Cổ phần Trường Hà theo Hợp đồng đầu tư vốn số 07/HĐĐT/VSMB/TRHA ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Trường Hà. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, khoản lãi chậm trả đã được ông Mai Đức Lâm thanh toán cho Công ty.

28. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Các khoản mục trên bảng cân đối kế toán:

Chỉ tiêu	Số liệu tại ngày 31/12/2010 đã kiểm toán	Số liệu tại ngày 31/12/2010 điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
Đầu tư vào công ty con	-	2.729.439.590	2.729.439.590	(1)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	54.299.960.410	57.029.400.000	2.729.439.590	(1)

Ghi chú: (1) Ở thời điểm đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH MTV Vải sợi May mặc Miền Bắc II, Công ty đã ghi nhận giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu, giảm tài sản đối với khoản đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Vải sợi May mặc Miền Bắc II.

Các khoản mục trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Chỉ tiêu	Số liệu tại ngày 31/12/2010 đã kiểm toán	Số liệu tại ngày 31/12/2010 điều chỉnh lại	Chênh lệch
1. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(11.293.083.199)	(8.611.965.372)	2.681.117.827
2. Tiền chi trả cho người lao động	(10.750.781.583)	(10.892.518.001)	(141.736.418)
3. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	7.811.701.422	8.156.894.153	345.192.731
4. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(17.852.588.983)	(10.466.522.970)	7.386.066.013
5. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	(1.000.581.771)	(5.449.591.501)	(4.449.009.730)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	-	1.511.140.827	1.511.140.827
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(85.846.000)	(7.418.617.250)	(7.332.771.250)

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Một số số liệu đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 28.



Nguyễn Như Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng